

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/03/2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Bá Đình Tâm

2. Ông Đỗ Thu Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Bá Văn Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 345/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hồng Q, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thu L, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Có mặt nguyên, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình giải quyết thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trần Hồng Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà Huỳnh Thị Thu L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1975 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Vợ chồng có tổ chức cưới và sống với nhau từ năm 1975 đến năm 2020 thì đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H.

Trong cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, đôi lúc có mâu thuẫn nhưng không lớn. Đến năm 2021 bà L thay đổi tính tình cờ bạc, nghi ngờ ông ngoại tình nên hay mắng chửi ông với những lời lẽ nặng nề xúc phạm đến danh dự của ông. Không thể tiếp tục sống chung với bà L nữa nên từ đó vợ chồng sống riêng, mạnh ai người đó sống và không quan tâm đến nhau.

Năm 2022 ông làm đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình yêu cầu ly hôn với bà L, tại bản án số 07/2022/HNGĐ-ST, ngày 12/05/2022 Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xử bác yêu cầu ly hôn của ông, mục đích để vợ chồng đoàn tụ nhưng hơn năm nay tình trạng vợ chồng không thay đổi, bà L không thay đổi tính tình không tôn trọng ông, mục đích hôn nhân không đạt nên ông làm đơn yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng có 07 con chung là Trần Thị Hồng G – sinh năm 1978 (mất), Trần Thị Hồng C – sinh năm 1980, Trần Hồng V – sinh năm 1983, Trần Thị Hồng S – sinh năm 1985, Trần Hồng M – sinh năm 1988, Trần Thị Hồng K – sinh năm 1989 và Trần Thị Hồng N – sinh năm 1992 các con hiện đã trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu L trình bày: Bà với ông Trần Hồng Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1975 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Vợ chồng có tổ chức cưới và sống với nhau từ năm 1975 đến năm 2020 thì đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Thái.

Trong cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn. Năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ việc ông Q có kết bạn giao lưu với phụ nữ khác nhậu nhẹt, hát hò nên bà ghen tuông chửi ông Q vì mục đích giữ hạnh phúc gia đình chứ không phải bà tự nhiên đòi tính xúc phạm ông Q vô cớ.

Năm 2022 ông Q làm đơn ly hôn bà đến Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tại bản án số 07/2022/HNGĐ-ST, ngày 12/05/2022 Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xử bác yêu cầu ly hôn của ông Trần Hồng Q để vợ chồng đoàn tụ.

Từ năm 2021 vợ chồng không sống chung với nhau, tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được từ khi Tòa án Bắc Bình xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q. Vợ chồng mạnh ai nấy sống, bà không còn tình cảm với ông Q nhưng bà và ông Q đã già, con cái đã trưởng thành, không nhất thiết phải ly hôn, bà không đồng ý ly hôn với ông Q.

Về con chung: Vợ chồng có 07 con chung là Trần Thị Hồng G – sinh năm 1978 (mất), Trần Thị Hồng C – sinh năm 1980, Trần Hồng V – sinh năm 1983, Trần Thị Hồng S – sinh năm 1985, Trần Hồng M – sinh năm 1988, Trần Thị Hồng K – sinh năm 1989 và Trần Thị Hồng N – sinh năm 1992 các con hiện đã trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân pháp luật đúng theo qui định tại Điều 12 BLTTDS, thành phần HĐXX đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có trường hợp phải từ chối hoặc phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 237, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Cho ông Trần Hồng Q được ly hôn với bà Huỳnh Thị Thu L.

Về con chung: Các con hiện đã trưởng thành nên không giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Hồng Q và bà Huỳnh Thị Thu L có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Trần Hồng Q thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hồng Q, HĐXX nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Hồng Q và bà Huỳnh Thị Thu L được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 1975, dù không đăng ký kết hôn trong thời gian sống chung nhưng sau này vợ chồng sống hạnh phúc và đã đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 200 nên là hôn nhân hợp pháp, ông Q có đơn ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Theo ông Q nguyên nhân ông yêu cầu ly hôn với bà L là do bà L thay đổi tính tình cờ bạc, nghi ngờ ông ngoại tình nên hay mắng chửi ông với những lời lẽ nặng nề xúc phạm đến danh dự của ông. Năm 2022 ông đã làm đơn ly hôn, tại Tòa bà L mong muốn đoàn tụ nhưng bà L không thay đổi, tình trạng hôn nhân không cải thiện, ông quá mệt mỏi với cuộc sống hiện tại, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, không còn sống chung nên yêu cầu được ly hôn.

Bà L thừa nhận bà có ghen tuông chửi mắng ông Q vì mục đích giữ hạnh phúc gia đình. Năm 2022 ông Q làm đơn ly hôn, tại Tòa bà mong muốn đoàn tụ nhưng sau đó thì tình trạng hôn nhân của vợ chồng vẫn không cải thiện, không còn sống chung, cơm ai người đó ăn. Bà không còn tình cảm với ông Q vì ông Q không còn lý trí và bà không mong muốn đoàn tụ với ông Q nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông Q.

HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay nhận thấy đời sống chung của ông Q và bà L từ khi xác lập quan hệ vợ chồng thì hạnh phúc đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà L ghen tuông nghi ngờ ông Q có quan hệ với phụ nữ khác nên xúc phạm ông Q. Năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đã cho vợ chồng đoàn tụ mục đích để vợ chồng xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng vẫn không cải thiện, vợ chồng không còn sống chung, tình cảm vợ chồng không còn, việc tiếp tục duy trì hôn nhân không còn ý nghĩa. Việc bà L không còn tình cảm với ông Q và không mong muốn đoàn tụ nhưng không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 07 con chung là Trần Thị Hồng G – sinh năm 1978 (mất), Trần Thị Hồng C – sinh năm 1980, Trần Hồng V – sinh năm 1983, Trần Thị Hồng S – sinh năm 1985, Trần Hồng M – sinh năm 1988, Trần Thị Hồng K – sinh năm 1989 và Trần Thị Hồng N – sinh năm 1992 các con hiện đã trưởng thành.

[4] Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định của pháp luật.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Ông Trần Hồng Q được ly hôn bà Huỳnh Thị Thu L.

Về con chung: Vợ chồng có 07 con chung là Trần Thị Hồng Giang – sinh năm 1978 (mất), Trần Thị Hồng Cẩm – sinh năm 1980, Trần Hồng Vinh – sinh năm 1983, Trần Thị Hồng Sơn – sinh năm 1985, Trần Hồng Minh – sinh năm 1988, Trần Thị Hồng Kiều – sinh năm 1989 và Trần Thị Hồng Nga – sinh năm 1992 các con hiện đã trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Trần Hồng Q là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật do ông Q không có đơn miễn giảm nên ông Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Q đã nộp tại biên lai thu số 0001373, ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, ông Trần Hồng Q đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên, bị đơn báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hồng Thái;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thanh Nữ Kiều Oanh